

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU CẢNH A

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Bổ sung đến Tháng 9/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có): Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh A.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

+ Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 1, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Thôn 1, xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai)

+ Số điện thoại: 02713.633.313

+ Mail: thptnguyenhuucanh@binhphuoc.edu.vn

+ Website: thptnguyenhuucanh.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Trường công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trở thành trường có chất lượng đào tạo cao năm trong tổng đầu khối THPT của tỉnh, duy trì trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Được thành lập từ tháng 8 năm 2000, trên cơ sở của trường cấp 2 Tân Khai, thành trường PT cấp 2,3 Tân Khai, đến năm 2007 tách thành 2 cơ sở là trường THCS Tân Khai và trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh, trường được chuyển về cơ sở mới tại ấp 1, xã Tân Khai từ tháng 8 năm 2007 đến tháng 6/2025, Từ ngày 01/7/2025 là trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh A, xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Đỗ Cao Phước

Địa chỉ trường: Khu phố 1, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn 1, xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai).

Số điện thoại: 02713.633.313 Hotline: 0918788246

Mail: thptnguyenhuucanh@binhp Phuoc.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 08/08/2007 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sau khi hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường:

Quyết định số 3451/QĐ-SGDĐT ngày 08/11/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 381/QĐ-SGDĐT ngày 01/07/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai về việc tiếp nhận và kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý đối với ông Đỗ Cao Phước hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh A.

- Quyết định số 382/QĐ-SGDĐT ngày 01/07/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý đối với ông Dương Thành Trung Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh A.

- Quyết định số 383/QĐ-SGDĐT ngày 01/07/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý đối với ông Nguyễn Văn Hải Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh A.

- Quyết định số 384/QĐ-SGDĐT ngày 01/07/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý đối với ông Võ Văn Thuyết Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh A.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 2390/QĐ-SGDĐT ngày 19/08/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cảnh.

- Quyết định số 331/QĐ-THPT ngày 11/9/2024 của Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh về việc ban hành quy chế làm việc năm học 2024-2025.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Đỗ Cao Phước

- Hiệu trưởng:

Số điện thoại: 02713.633.313

- Hotline: 0918788246

Mail: docaophuoc65@gmail.com

Địa chỉ trường: Thôn 1, Xã Tân Khai, tỉnh Bình Phước.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Quyết định số 353/QĐ-THPT ngày 26/09/2024 của Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh về việc ban hành quy chế dân chủ năm học 2024-2025.

- Quyết định số 3a/QĐ-THPT ngày 02/01/2025 của Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

- Quyết định số 344/QĐ-THPT ngày 21/09/2024 của Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh về việc thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 250/KH-THPT ngày 30/8/2024 của trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.



- Kế hoạch số 345/KH-THPT ngày 22/09/2024 của Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh về công tác thi đua khen thưởng năm học 2024-2025.

- Ngoài ra còn có các quy chế, các kế hoạch hoạt động khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

+ Cán bộ quản lý: 04 Trình độ: Đại học: 04

+ Giáo viên: 70 Trình độ: Thạc sỹ: 05 Đại học: 65

+ Nhân viên: 08 Trình độ: Đại học, cao đẳng: 04, trình độ khác: 04

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

74 cán bộ, giáo viên, tỷ lệ: 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

82 cán bộ, giáo viên, nhân viên tỷ lệ: 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: 22,530 m², diện tích bình quân 18,14 m²/ học sinh, đạt yêu cầu tối thiểu về diện tích theo quy định.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Khối phòng học: 28, khối phòng hỗ trợ học tập: 06, Khối hành chính: 10 phòng, có khu sân chơi, bãi tập, nhà xe GV, HS, nhà vệ sinh GV, HS, hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống mạng internet, wifi.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

370, thiếu so với quy định chương trình giáo dục phổ thông 2018.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 07/06/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2024-2025

Thông báo số 303/TB-THPT ngày 16/07/2025 của Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh A về việc thông báo danh mục sách giáo khoa lớp 10,11,12 được sử dụng từ năm học 2025-2026.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Trường tự đánh giá năm học 2024-2025 đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm sau tự đánh giá.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2018-2023.

Năm 2025 trường tiếp tục duy trì kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; 495 học sinh

b) Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối	Số HS	Số lớp	Số HS/lớp	HS nam/nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
10	496	11	45,1	222/274	26	01
11	413	10	41,3	192/221	17	03
12	414	10	41,4	188/226	17	00

Số học sinh chuyển trường (chuyển đi): 05

Số học sinh chuyển đến (tiếp nhận): 11

c) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

+ Kết quả đánh giá:

Khối	Tổng	Kết quả học tập				Kết quả rèn luyện			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
10	496	71	243	178	4	433	63	0	0
11	413	70	238	101	4	381	32	0	0
12	414	70	274	70	0	407	7	0	0
Tổng	1323	211	755	349	8	1221	102	0	0

+ Số học sinh được lên lớp: 906, số học sinh không được lên lớp: 03

d) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp:

+ Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 414

+ Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 408

+ Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông: 0

+ Số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông: 205

+ Số học sinh vào các trường nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học: 315

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Ngân sách năm 2024:

- Kinh phí thường xuyên: 15.655.680.000đ
- Học phí: 1.277.264.000đ

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Chi: Ngân sách năm 2024 và học phí năm 2024:

- Tiền lương và phụ cấp theo lương: 12.114.111.060đ
- Các khoản đóng góp BHXH: 2.526.512.637đ
- Sửa chữa cơ sở vật chất: 605.169.120đ
- Chi hoạt động chuyên môn giáo dục: 1.697.394.000đ

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Hỗ trợ chính sách chi phí học tập học sinh: 3.300.000đ

d) Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

+ Số học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh: 43 trong đó (06 giải nhì, 19 giải ba và 18 giải khuyến khích).

+ Số học sinh đạt giải KHKT cấp tỉnh: 02 (giải Nhì).

+ Học sinh đạt giải trong hội thao QPAN cấp tỉnh: 08 (03 giải nhì; 05 giải ba).

+ Học sinh tốt nghiệp THPT 2025: 408/413 đạt 98,79% (011 học sinh bỏ thi).

+ Trường duy trì đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Cao Phước